

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Translating 2 - MH1105035

Giám thị 1: Lương Nguyễn Hoài Linh

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 25311MH110503501

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Cao Thế Oanh

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Vương Tuấn

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 23/07/2026

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: A1.9

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Đạt	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410130011	Võ Nguyễn Minh	Đạt	12/04/2006		1	6.6	Sáu, Sáu	C26TA	
2	2410130013	Trần Trung	Hiếu	24/01/2006		1	7.0	Bảy, Mười	C26TA	
3	2410130030	Trần Tâm Hoàng	Huy	15/12/2004		1	3.2	Ba, Hai	C26TA	
4	2410130033	Võ Khải	Huy	22/07/2006		1	4.8	Bốn, Tám	C26TA	
5	2410130021	Đặng Phụng	Hỷ	03/07/2006		1	4.6	Bốn, Sáu	C26TA	
6	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc	Mỹ	02/06/2006		1	6.6	Sáu, Sáu	C26TA	
7	2410130034	Đặng Kim	Ngọc	15/04/2006		1	9.3	Chín, Ba	C26TA	
8	2410130022	Tô Hồng Trí	Nhân	22/07/2002		1	7.3	Bảy, Ba	C26TA	
9	2310130018	Trần Nguyễn Quỳnh	Như	30/10/2005		1	7.5	Bảy, Năm	C25TA	
10	2410130018	Hồ Thị Kim	Oanh	03/06/2005		1	5.6	Năm, Sáu	C26TA	
11	2410130009	Phan Văn Trọng	Phúc	20/5/2004		1	8.1	Tám, Một	C26TA	
12	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim	Phượng	26/08/2006		1	2.8	Hai, Tám	C26TA	
13	2410130004	Quách Kim	Quỳnh	02/4/1999		1	6.7	Sáu, Bảy	C26TA	
14	2410130016	Lâm Quốc	Thịnh	02/10/2006		1	7.9	Bảy, Chín	C26TA	
15	2410130027	Võ Minh	Thông	14/12/2002		1	7.0	Bảy, Không	C26TA	
16	2410130020	Hoàng Thị	Thu	26/03/1996		1	6.5	Sáu, Năm	C26TA	
17	2410130002	Trịnh Nam	Thuận	08/3/2003		1	5.7	Năm, Bảy	C26TA	
18	2410130028	Nguyễn Phương	Thùy	06/01/2006		1	5.5	Năm, Năm	C26TA	
19	2410130001	Phạm Thu	Thương	12/8/2005		1	8.4	Tám, Bốn	C26TA	
20	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	27/12/2006		1	5.1	Năm, Một	C26TA	
21	2410130003	Phạm Thị Thùy	Trang	27/10/1980		1	8.0	Tám, Không	C26TA	
22	2410130035	Trần Thị Quế	Trân	07/01/2006		1	7.4	Bảy, Bốn	C26TA	
23	2410130012	Đoàn Thị Cẩm	Tú	04/12/2006		1	6.2	Sáu, Hai	C26TA	
24	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn	Việt	04/09/2006		1	5.6	Năm, Sáu	C26TA	
25	2410130005	Tê Hoàng Như	Ý	12/07/2006		1	4.6	Bốn, Sáu	C26TA	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

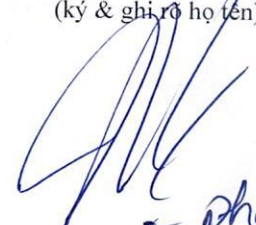
Tổng số sinh viên dự thi : 15 vắng thi : 0 . Số bài thi/Số tờ : /

Số sinh viên đạt : Tỷ lệ đạt : %

Ngày: 03 tháng 8 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

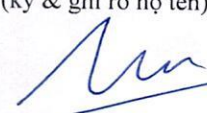

phạm duy (an)

1/1

Ngày: 27 tháng 07 năm 2026

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Vương Tuấn

75

TRƯỜNG CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

**PHÒNG QUẢN LÝ BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Translating 2 - MH1105035

Mã lớp học phần: 25311MH110503501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Vương Tuấn - (05046)

Ngày thi: 13/05/2026 Giờ thi: 7h30-8h30 Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310130018	Trần Nguyễn Quỳnh Như	30/10/2005	C25TA		8,0	Tám, Không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 Số bài thi: 1 / 1

Ngày: 06 tháng 7 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


phạm duy Loan

Ngày: 23 tháng 6 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Vương Tuấn

QUAN TRỊ ĐOÀN NGHIỆP A QTDN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Translating 2 - MH1105035

Mã lớp học phần: 25311MH110503501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Vương Tuấn - (05046)

Ngày thi: 13/05/2026 Giờ thi: 7h30-8h30 Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410130011	Võ Nguyễn Minh	Đạt	12/04/2006	C26TA	<i>Đạt</i>	8,0	Tám, Không	
2	2410130013	Trần Trung	Hiếu	24/01/2006	C26TA	<i>Đạt</i>	8,3	Tám, Ba	
3	2410130030	Trần Tâm Hoàng	Huy	15/12/2004	C26TA	<i>Huy</i>	5,0	Năm, Không	
4	2410130033	Võ Khải	Huy	22/07/2006	C26TA	<i>Huy</i>	8,2	Tám, Hai	
5	2410130025	Huỳnh	Hương	19/03/2006	C26TA				
6	2410130021	Đặng Phụng	Hỷ	03/07/2006	C26TA	<i>Hỷ</i>	6,7	Sáu, Bảy	
7	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc	Mỹ	02/06/2006	C26TA	<i>Mỹ</i>	5,0	Năm, Không	
8	2410130034	Đặng Kim	Ngọc	15/04/2006	C26TA	<i>Ngọc</i>	9,3	Chín, Ba	
9	2410130022	Tô Hồng Trí	Nhân	22/07/2002	C26TA	<i>Nhân</i>	8,0	Tám, Không	
10	2410130018	Hồ Thị Kim	Oanh	03/06/2005	C26TA	<i>Oanh</i>	8,3	Tám, Ba	
11	2410130009	Phan Văn Trọng	Phúc	20/5/2004	C26TA	<i>Phúc</i>	7,7	Bảy, Bảy	
12	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim	Phượng	26/08/2006	C26TA	<i>Phượng</i>	5,0	Năm, Không	
13	2410130004	Quách Kim	Quỳnh	02/4/1999	C26TA	<i>Quỳnh</i>	8,0	Tám, Không	
14	2410130016	Lâm Quốc	Thịnh	02/10/2006	C26TA	<i>Thịnh</i>	8,0	Tám, Không	
15	2410130027	Võ Minh	Thông	14/12/2002	C26TA	<i>Thông</i>	6,5	Sáu, Năm	
16	2410130020	Hoàng Thị	Thu	26/03/1996	C26TA	<i>Thu</i>	8,3	Tám, Ba	
17	2410130002	Trịnh Nam	Thuận	08/3/2003	C26TA	<i>Thuận</i>	7,9	Bảy, Chín	
18	2410130028	Nguyễn Phương	Thùy	06/01/2006	C26TA	<i>Thùy</i>	6,3	Sáu, Ba	
19	2410130006	Nguyễn Lê Minh	Thư	08/08/2006	C26TA	<i>Thư</i>	5,9	Năm, Chín	
20	2410130001	Phạm Thu	Thương	12/8/2005	C26TA	<i>Thương</i>	8,5	Tám, Năm	
21	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	27/12/2006	C26TA	<i>Tiên</i>	8,0	Tám, Không	
22	2410130003	Phạm Thị Thùy	Trang	27/10/1980	C26TA	<i>Trang</i>	8,0	Tám, Không	
23	2410130035	Trần Thị Quế	Trân	07/01/2006	C26TA	<i>Trân</i>	8,3	Tám, Ba	
24	2410130012	Đoàn Thị Cẩm	Tú	04/12/2006	C26TA	<i>Tú</i>	8,1	Tám, Một	
25	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn	Việt	04/09/2006	C26TA	<i>Việt</i>	7,9	Bảy, Chín	
26	2410130005	Tê Hoàng Như	Ý	12/07/2006	C26TA	<i>Ý</i>	6,2	Sáu, Hai	

- Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 25 vắng thi: 1 . Số bài thi: _____ / _____.

Ngày 06 tháng 7 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Quỳ Loan

Ngày 23 tháng 6 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Vương Tuấn



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Translating 2 - MH1105035

Mã lớp học phần: 25311MH110503501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Vương Tuấn - (05046)

Ngày thi: 17/06/2026 Giờ thi: 7h30-8h30 Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310130018	Trần Nguyễn Quỳnh Như	30/10/2005	C25TA		7,5	Bảy, Năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 . Số bài thi: 1 / 1 .Ngày 06 tháng 07 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

phạm duy khanNgày 23 tháng 06 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Vương Tuấn

QUAN TRƯỞNG ĐOÀN NGHIỆP
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Translating 2 - MH1105035

Mã lớp học phần: 25311MH110503501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Vương Tuấn - (05046)

Ngày thi: 17/06/2026 Giờ thi: 7h30 - 8h30 Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Đạt	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410130011	Võ Nguyễn Minh	Đạt	12/04/2006	C26TA	Bat	7,0	Bảy, Không	
2	2410130013	Trần Trung	Hiếu	24/01/2006	C26TA	Trung	7,0	Bảy, Không	
3	2410130030	Trần Tâm Hoàng	Huy	15/12/2004	C26TA	Huy	5,0	Năm, Không	
4	2410130033	Võ Khải	Huy	22/07/2006	C26TA	Huy	5,5	Năm, Năm	
5	2410130025	Huỳnh	Hương	19/03/2006	C26TA				
6	2410130021	Đặng Phụng	Hỷ	03/07/2006	C26TA	Hỷ	5,0	Năm, Không	
7	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc	Mỹ	02/06/2006	C26TA	Mỹ	5,0	Năm, Không	
8	2410130034	Đặng Kim	Ngọc	15/04/2006	C26TA	Ngọc	9,0	Chín, Không	
9	2410130022	Tô Hồng Trí	Nhân	22/07/2002	C26TA	Nhân	8,5	Tám, Năm	
10	2410130018	Hồ Thị Kim	Oanh	03/06/2005	C26TA	Oanh	7,0	Bảy, Không	
11	2410130009	Phan Văn Trọng	Phúc	20/5/2004	C26TA	Phúc	8,0	Tám, Không	
12	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim	Phượng	26/08/2006	C26TA	Phượng	5,0	Năm, Không	
13	2410130004	Quách Kim	Quỳnh	02/4/1999	C26TA	Quỳnh	7,5	Bảy, Năm	
14	2410130016	Lâm Quốc	Thịnh	02/10/2006	C26TA	Thịnh	7,5	Bảy, Năm	
15	2410130027	Võ Minh	Thông	14/12/2002	C26TA	Thông	5,0	Năm, Không	
16	2410130020	Hoàng Thị	Thu	26/03/1996	C26TA	Thu	5,5	Năm, Năm	
17	2410130002	Trịnh Nam	Thuận	08/3/2003	C26TA	Thuận	5,0	Năm, Không	
18	2410130028	Nguyễn Phương	Thùy	06/01/2006	C26TA	Thùy	5,0	Năm, Không	
19	2410130006	Nguyễn Lê Minh	Thư	08/08/2006	C26TA	Thư	5,0	Năm, Không	
20	2410130001	Phạm Thu	Thương	12/8/2005	C26TA	Thương	8,3	Tám, Ba	
21	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	27/12/2006	C26TA	Tiên	6,0	Sáu, Không	
22	2410130003	Phạm Thị Thùy	Trang	27/10/1980	C26TA	Trang	6,5	Sáu, Năm	
23	2410130035	Trần Thị Quế	Trân	07/01/2006	C26TA	Trân	6,5	Sáu, Năm	
24	2410130012	Đoàn Thị Cẩm	Tú	04/12/2006	C26TA	Tú	5,5	Năm, Năm	
25	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn	Việt	04/09/2006	C26TA	Việt	7,5	Bảy, Năm	
26	2410130005	Tê Hoàng Như	Ý	12/07/2006	C26TA	Ý	5,0	Năm, Không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 25 vắng thi: 1 . Số bài thi: 1 / 1 .

Ngày: 06 tháng 7 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Quy Khanh

Ngày: 23 tháng 06 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Vương Tuấn

